



BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP

(Kèm theo văn bằng số cấp ngày tháng năm)

Họ và tên: **Trịnh Tuấn Long** Giới tính: Nam
Ngày sinh: 27/8/1988 Nơi sinh: Tp Hà Nội
Mã SV: 06001511 Hệ đào tạo: Chính quy
Khóa: QHT.2006.CQ Chuyên ngành: Chuyên ngành Khí hậu
Ngành: **Khí tượng**

Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1591/QĐ-ĐT ngày 21/06/2010

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Điểm môn học	
				Điểm số	Điểm chữ
1	MAT1061	Đại số 1	2	7.0	B
2	MAT1062	Đại số 2	2	7.0	B
3	MAT1063	Giải tích 1	3	6.0	C
4	CHE1050	Hóa học đại cương	2	7.0	B
5	FLF1101	Tiếng Anh cơ sở 1	4	5.0	D+
6	PHY1061	Vật lý đại cương 1	2	6.0	C
7	PHY1062	Vật lý đại cương 2	2	9.0	A+
8	MAT1064	Giải tích 2	2	7.0	B
9	MAT1065	Giải tích 3	3	6.0	C
10	HMO2003	Nguyên lý máy và phương pháp quan trắc khí tượng và cao không	2	7.0	B
11	HMO2001	Nhiệt động lực học khí quyển	3	8.0	B+
12	FLF1102	Tiếng Anh cơ sở 2	3	5.0	D+
13	PHY1063	Vật lý đại cương 3	3	6.0	C
14	HIS1052	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	6.9	C+
15	MAT1066	Giải tích 4	2	4.2	D
16	HMO2002	Khí tượng vật lý và thiên văn học	4	5.8	C
17	FLF1103	Tiếng Anh cơ sở 3	3	5.4	D+
18	PHI1001	Triết học Mác - Lênin	4	7.1	B
19	PHY1064	Vật lý đại cương 4	3	6.4	C
20	MAT1070	Cơ học chất lỏng	2	5.3	D+
21	HMO2004	Khí tượng động lực 1	3	6.6	C+
22	PEC1001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	6.9	C+
23	MAT1075	Phương trình toán lý	2	7.4	B
24	HMO2014	Thực tập quan trắc khí tượng	2	9.0	A+
25	FLS1110	Tiếng Anh chuyên ngành	4	6.8	C+
26	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	5.8	C
27	MAT1067	Xác suất thống kê	2	5.4	D+
28	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6.0	C
29	HMO2005	Khí tượng động lực 2	3	6.3	C
30	HMO2009	Khí tượng rada và vệ tinh	2	8.2	B+
31	HMO2006	Khí tượng synop 1	3	6.8	C+
32	MAT1069	Phương pháp tính	2	6.8	C+
33	HMO1001	Tin học chuyên ngành	3	6.1	C

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Điểm môn học	
				Điểm số	Điểm chữ
34	INM1001	Tin học cơ sở	3	6.3	C
35	HMO2008	Dự báo số trị và phân tích khách quan	4	7.2	B
36	HMO2011	Hải dương học và tương tác biển khí quyển	2	8.2	B+
37	HMO2012	Khí hậu học	3	9.0	A+
38	HMO2013	Khí hậu Việt Nam	2	8.7	A
39	HMO3011	Khí tượng nhiệt đới	2	7.8	B
40	HMO2007	Khí tượng synop 2	3	8.2	B+
41	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.7	C+
42	HMO2010	Thống kê trong khí tượng	3	9.3	A+
43	HMO3017	Dao động và biến đổi khí hậu	2	8.0	B+
44	HMO3005	Khí hậu vật lý	3	7.2	B
45	HMO3006	Mô hình hóa hệ thống khí hậu	3	9.7	A+
46	HMO3001	Niên luận	2	9.5	A+
47	HMO3002	Thực tập nghiệp vụ	2	8.0	B+
48	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.3	B
49	HMO4050	Khóa luận tốt nghiệp	7	10.0	A+

Tổng số tín chỉ: **131**

Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa: **2.73**

Xếp hạng tốt nghiệp: **Khá**

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2010

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Ghi chú:

(1) Điểm môn học được chấm theo thang điểm 10 và quy đổi sang điểm chữ như sau:

A+: 9.0 - 10.0; A: 8.5 - 8.9; B+: 8.0 - 8.4; B: 7.0 - 7.9; C+: 6.5 - 6.9; C: 5.5 - 6.4; D+: 5.0 - 5.4; D: 4.0 - 4.9; F: 0.0 - 3.9;

(2) Để tính điểm trung bình chung tích lũy, điểm chữ được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ = 4.0; A = 3.7; B+ = 3.5; B = 3.0; C+ = 2.5; C = 2.0; D+ = 1.5; D = 1.0; F = 0.0.

(3) Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học như sau:

Xuất sắc: 3.6 - 4; Giỏi: 3.2 - 3.59; Khá: 2.5 - 3.19; Trung bình: 2 - 2.49.